

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3904/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Khu đô thị mới Đông Sơn, tại thị trấn Nhồi, huyện Đông Sơn;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 89/HUD-BQL2 ngày 12/01/2023 của Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị - Công ty TNHH (HUD) về đề nghị cấp giấy phép môi trường của Khu đô thị mới Đông Sơn, phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 50/TTr-STNMT ngày 18 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị - Công ty TNHH (HUD), địa chỉ tại Tầng 28, 29, 30, 31, 32 tòa nhà Văn phòng thương mại HUDTOWER, số 37 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở: Khu đô thị mới Đông Sơn, phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Khu đô thị mới Đông Sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường An Hưng, Thành phố Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106144 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/6/2011; cấp đổi lần thứ bảy ngày 19/4/2018.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 0100106144.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích dự án: 783.508 m².

- Quy mô dự án:

+ Nhà liền kề: Có tổng diện tích là 169.138,8 m²; được phân thành 1.470 ô có diện tích bình quân từ 100m²/hộ; mật độ xây dựng từ 60 - 100%, chiều cao 3,5 tầng.

+ Nhà vườn (Biệt thự): Có tổng diện tích là 61.800,5 m²; được phân thành 285 ô có diện tích bình quân từ 180 - 350m²/hộ; mật độ xây dựng từ 35-45%, chiều cao 2,5 tầng.

+ Đất tái định cư: Có tổng diện tích là 1.688,7 m²; được giao cho 18 hộ tái định cư; mật độ xây dựng 87,06%, chiều cao 3,5 tầng.

+ Đất công trình công cộng: Có tổng diện tích là 71.027 m²; bao gồm: Đất công trình công cộng cấp đơn vị gồm: Trụ sở ĐU-HĐHD-UBND phường, Công An, Trạm y tế, trường phổ thông cơ sở, trường tiểu học, trung tâm thể thao, chợ đầu mối... Bố trí tại trung tâm của khu đô thị. Đất công trình công cộng cấp khu ở gồm: Trụ sở, nhà văn hóa khu phố, trường mầm non... vị trí tại trung tâm các khu ở.

+ Đất cây xanh: Có tổng diện tích là 86.366 m².

+ Đất giao thông: Có tổng diện tích là 268.327,6 m².

+ Đất dân cư hiện trạng, cơ quan và doanh nghiệp hiện có.

- Quy mô dân số: 9.000 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị - Công ty TNHH (HUD):

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị - Công ty TNHH (HUD) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 15 tháng 02 năm 2023 đến ngày 15 tháng 02 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Tổng CT đầu tư phát triển nhà và đô thị - Công ty TNHH (HUD);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khu dân cư, khu điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung. Lưu lượng lớn nhất là 1.098m³/ngày.đêm.

1.2. Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu công cộng (công sở, trường học..). Lưu lượng lớn nhất khi lấp đầy là 198m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Nhà Lê, đoạn chảy qua phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả thải: Toạ độ điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰): X = 2190074.091; Y = 578969.364.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 1.296 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau khi xử lý qua Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 1.500m³/ngày.đêm được dẫn qua tuyến mương có lắp đặt thiết bị quan trắc tự động liên tục, sau đó dẫn vào cống thoát nước bằng BTCT D300, qua các hố lắng và theo cống thoát nước chung bằng BTCT D600 xả ra sông Nhà Lê.

- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/24 giờ.

2.3. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ nguồn thải số 1, số 2 được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung, nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, k = 1,0), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	03 tháng/lần (được miễn quan trắc định	Thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	TSS	mg/l	100		

4	TDS	mg/l	1.000	kỳ đến hết ngày 31/12/2024)	quan trắc môi trường tự động liên tục, thông số: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.
5	Sunfua	mg/l	4,0		
6	Amoni	mg/l	10		
7	Nitrat	mg/l	50		
8	Dầu mỡ, động thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất HDBM	mg/l	10		
10	Phosphat	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải được thu gom qua các đường ống, tuyến mương gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh của các hộ dân, khu vực công cộng được thu gom và xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại 03 ngăn sau đó dẫn xả ra rãnh thoát nước kích thước 30x50cm phía dưới vỉa hè và đầu nối vào cống thoát nước thải chung của khu đô thị bằng BTCT đường kính từ D200-D600 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500m³/ngày đêm để xử lý.

1.1.2. Nước thải sinh hoạt từ hoạt động nấu ăn, tắm rửa, giặt giũ từ các hộ dân, khu vực công cộng (công sở, trường học...) được thu gom, xử lý sơ bộ qua các bể phốt, bể tự hoại sau đó dẫn ra rãnh thoát nước kích thước 30x50cm chôn ngầm phía dưới vỉa hè và đầu nối vào cống thoát nước thải chung của khu đô thị bằng BTCT đường kính từ D200-D600 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500m³/ngày đêm để xử lý.

1.1.3. Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Đã xây dựng 1.364 bể tự hoại 03 ngăn tại các khu nhà dân, khu vực công cộng. Thể tích mỗi bể từ 3,0 - 7,56 m³; kích thước DxRxH = 2,1mx1,8mx2,0m.

- Đã xây dựng 01 bể tự hoại 03 ngăn tại khu nhà điều hành HTXL nước thải tập trung, thể tích là 9,51m³; kích thước DxRxH = 2,7mx2,2mx1,6m.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ khu đô thị → Ngăn tách rác và bơm → Bể gom và tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể lắng cát → Cụm xử lý vi

sinh (02 Module gồm Bể kỵ khí, Bể thiếu khí và Bể sinh học hiếu khí MBBR hoạt động song song) → Bể lắng → Bể khử trùng → Mương quan trắc nước thải → Xả thải ra sông Nhà Lê.

+ Công suất xử lý: 1.500 m³/ngày.đêm

+ Hóa chất sử dụng: Hóa chất điều chỉnh pH (NaOH), hóa chất khử trùng NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục, số lượng: 01 trạm.
- Vị trí lắp đặt thiết bị quan trắc, lấy mẫu: Tại mương quan trắc nước thải.
- Thông số lắp đặt: pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Lắp đặt Camera theo dõi, truyền tín hiệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Kết nối, truyền số liệu kết quả quan trắc nước thải tự động, liên tục về hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý nước thải như máy bơm, máy thổi khí (trang bị 02 thiết bị: 01 làm việc; 01 dự phòng). Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố trong hệ thống xử lý nước thải.

1.4.2. Hệ thống bể thiếu khí và hiếu khí được thiết kế chạy 02 module song song, nên khi gặp sự cố có thể vận hành 01 module và 01 module để lưu nước. Ngoài ra, toàn bộ hệ thống cống, đường ống công nghệ, hố ga, giếng thăm có thể lưu giữ toàn bộ nước thải của khu đô thị trong 1,4 ngày. Nên có thể tận dụng khoảng thời gian này để khắc phục sự cố của hệ thống.

1.4.3. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải số để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

1.4.4. Định kỳ hằng năm duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

1.4.5. Thường xuyên bổ sung các dưỡng chất để nuôi sống vi sinh vật tại các bể xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ 03 tháng sau khi Giấy phép môi trường này có hiệu lực và các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng, lắp đặt đủ điều kiện đi vào vận hành thử nghiệm.

Cụ thể như sau:

+ Thời gian dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm: Ngày 10/02/2023.

+ Thời gian dự kiến kết thúc vận hành thử nghiệm: Ngày 10/05/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu đô thị, tổng công suất thiết kế 1.500m³/ngày.đêm.

2.3. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại Bể gom nước thải đầu vào và 01 điểm tại mương quan trắc nước thải).

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3 Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, phải dừng ngay hoạt động vận hành và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thanh Hóa, UBND phường An Hưng để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.2. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của khu đô thị; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải theo quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường có chứa các thông số ô nhiễm vượt QCCP.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng được các yêu cầu theo quy định, Chủ cơ sở được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31/12/2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động.

3.6. Đối với các đơn vị được giao quản lý, vận hành và đơn vị khai thác sử dụng: Sau khi tiếp nhận bàn giao của Chủ cơ sở là Tổng Công ty đầu tư phát triển

nhà và đô thị - Công ty TNHH (HUD) phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải, xử lý nước thải của khu đô thị, đảm bảo chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo mục 2.3, phần A của phụ lục này. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.7. Trước khi bàn giao cho các đơn vị quản lý, vận hành; Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị - Công ty TNHH (HUD) phải hoàn thành các thủ tục về nghiệm thu, bàn giao công trình; có kết quả phân tích chất lượng nước thải đáp ứng các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo mục 2.3, phần A của phụ lục này./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500m³/ngày.đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải với toạ độ (theo toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105^o múi chiều 3^o): X = 2190016.771; Y = 579024.104;

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Lượng xả khí thải lớn nhất là 3.200 m³/giờ.

3. Phương thức xả thải

- Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống xả cao 5m so với nền.

- Chế độ xả: Liên tục 24 giờ/24 giờ.

- Phương thức xả: Xả liên tục qua quạt hút khí.

4. Chất lượng khí thải sau xử lý

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, Kp = 1,0 và Kv = 0,6) và đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7222:2002 - Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	CO	mg/Nm ³	600	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	SO ₂	mg/Nm ³	300		
3	NO _x	mg/Nm ³	510		
4	H ₂ S	mg/Nm ³	4,5		
5	NH ₃	mg/Nm ³	30		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500m³/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống D315 vào thiết bị xử lý mùi và xả ra môi trường thông qua ống xả khí thải đường kính D315 bằng PVC, cao 5m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Quy trình xử lý: Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng dung dịch → Tháp hấp thụ bằng than hoạt tính → Khí sạch xả ra môi trường.

- Công suất: 3.200 m³/h.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch hấp thụ NaOH, than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của thiết bị xử lý khí để có biện pháp kịp thời ứng phó các sự cố.

1.3.2. Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của khu đô thị theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường: Vận hành thường xuyên và đúng quy trình các công trình xử lý khí thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Bể điều hòa, bể lắng cát, bể kỵ khí, bể thiếu khí).

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Máy bơm, máy nén khí, máy thổi khí phục vụ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500m³/ngày.đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500m³/ngày.đêm có tọa độ (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°): X = 2190015.622; Y = 579014.680

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Trồng cây xanh theo diện tích quy hoạch được duyệt để giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
I	CTNH từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung		
1	Dầu, mỡ bôi trơn, dầu máy các loại	170203	10
2	Dẻ lau dính dầu, mỡ	180201	2,0
3	Vỏ thùng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	180103	20
4	Bao bì mềm nhiễm thành phần nguy hại	180101	10
5	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	120104	1.100
II	Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu dân cư, khu công cộng, các tổ chức, đơn vị hoạt động trong khu đô thị	-	210
Tổng khối lượng			1.352

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ HTXL nước thải tập trung	22.400
Tổng khối lượng		22.400

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	9.000
Tổng khối lượng		9.000

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các hộ dân, công sở, trường học... sinh sống và hoạt động trong khu đô thị tự trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh. Thùng lưu chứa bằng nhựa, có nắp đậy.

- Chủ cơ sở trang bị các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy dung tích 120lit/thùng để lưu chứa CTNH phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Than hoạt tính dùng trong hệ thống xử lý khí thải sau khi hết sử dụng, đơn vị cung cấp sẽ đến thay thế và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa: Chất thải nguy hại sẽ được lưu giữ tại khu nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung. Công trình được xây dựng kiên cố, nền bằng gạch lát, tường xây gạch, mái bê tông cốt thép, có cửa ra vào.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dẫn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyên giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khu đô thị không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chủ cơ sở trang bị xe gom rác tại hệ thống xử lý nước thải tập trung để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thùng xe làm tôn, khung làm bằng thép mạ, có bánh xe, thể tích 0,5m³.

- Các đơn vị được giao quản lý, vận hành khu đô thị ký hợp đồng với các đơn vị, tổ chức có chức năng bố trí phương tiện, phương thức thu gom chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý theo quy định.

- Các hộ dân sinh sống trong khu đô thị thực hiện: Tự trang bị thùng lưu chứa rác thải sinh hoạt; thực hiện quản lý, phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Các tổ chức, đơn vị (công sở, trường học...): Tự trang bị thùng lưu chứa rác thải sinh hoạt; thực hiện ký hợp đồng với các đơn vị thu gom có chức năng đến vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.3.2. Khu lưu chứa:

- Khu đô thị không quy hoạch khu lưu chứa cố định chất thải rắn sinh hoạt.
- Các đơn vị quản lý, vận hành khu đô thị tự bố trí khu lưu tập kết tạm theo quy định tại khoản 4, Điều 57, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: Bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường trước khi vận chuyển đến địa điểm xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.
3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Sau khi được bàn giao mặt bằng sạch, Chủ cơ sở là Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị - Công ty TNHH (HUD) tiếp tục thực hiện các nội dung theo Quyết định số 3904/QĐ-UBND nêu trên, cụ thể như sau:

- Thi công hoàn thiện hạ tầng giao thông, cây xanh còn lại của khu đô thị (dọc kênh Bắc sát với trại giam Cầu Cao), diện tích là 3.591m².

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy trình tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Trước khi bàn giao cho các đơn vị quản lý, vận hành, Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị - Công ty TNHH (HUD) phải thực hiện:

- Khối lượng bàn giao bao gồm:

+ Hạ tầng giao thông, cây xanh còn lại của khu đô thị (dọc kênh Bắc sát với trại giam Cầu Cao), diện tích là 3.591m².

+ Khu xử lý nước thải tập trung công suất 1.500m³/ngày.đêm.

- Hoàn thành các thủ tục theo quy định đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải.

- Vận hành thử nghiệm và báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500m³/ngày.đêm đến các cơ quan chức năng.

- Hoàn thành kết nối, truyền số liệu quan trắc tự động liên tục về hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3. Các đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành khu đô thị sau khi tiếp nhận toàn bộ dự án, phải thực hiện:

3.1 Tổ chức vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải, khu lưu giữ tạm thời

chất thải rắn làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3.2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.